



huǒ huà

火化

verb · cremation

Example Sentences

Tā xuǎn zé huǒ huà ér bù shì tǔ zàng
他选择火化而不是土葬。

He chose cremation instead of burial.

Huǒ huà hòu jiā rén bǎ gǔ huī sǎ zài le dà hǎi lǐ
火化后，家人把骨灰撒在了大海里。

After cremation, the family scattered the ashes in the sea.

Trace each character, then write the word on your own.

火	火	火	火	火	火	火													
化	化	化	化	化	化	化													